TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2019/QĐST-DS	*Bù Gia Mập, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2018/TLST-DS ngày 26/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Vũ Đức D**, sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Bà **Thị N**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Vũ Đức D và bà Thị N thống nhất: Bà Thị N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Vũ Đức D, bà Ngô Thị T số tiền gốc vay 500.000.000 đồng và tiền lãi suất 153.636.000 đồng, tổng cộng 653.636.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Về thời hạn trả: Ông Vũ Đức D và bà Thị N thống nhất: Bà Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Đức D, bà Ngô Thị T số tiền 653.636.000 đồng khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (của vụ án này) có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 15.072.720 đồng (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng) bà Thị N chịu nộp toàn bộ.

Trả lại ông Vũ Đức D số tiền tạm ứng án phí 17.100.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019599 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ly